

# Hiện tượng chuyển loại giữa danh từ và động từ trong tiếng Việt và tiếng Anh

Võ Thị Ngọc Ân

**Tóm tắt**—Hiện tượng chuyển loại được xem là một trong những hiện tượng có tính phổ quát của ngôn ngữ. Có thể nói quan niệm này bắt nguồn từ học thuyết của F.de Saussure về bản chất hai mặt của tín hiệu ngôn ngữ. Nghĩa, theo F.de Saussure, là quan hệ giữa cái biểu hiện (signifier) - vô ngữ âm của từ - hữu hạn và cái được biểu hiện (signified) - hiện thực khách quan cần phản ánh - vô hạn. Chuyển loại là một trong những cách hiệu quả nhất tạo từ mới trong tiếng Việt cũng như tiếng Anh, thể hiện một đặc tính quan trọng của ngôn ngữ: tính tiết kiệm.

Hiện tượng chuyển loại trong tiếng Việt cũng như tiếng Anh có thể xảy ra ở tất cả mọi từ loại – cả từ loại thực từ lẫn từ loại không phải thực từ. Trong đó, hiện tượng chuyển loại giữa các thực từ (danh từ, động từ và tính từ) là phổ biến nhất. Ở hiện tượng chuyển loại giữa các thực từ (danh từ, động từ và tính từ), số lượng danh từ chuyển loại thành động từ và tính từ là cao nhất, rồi đến động từ, sau cùng là tính từ.

Bài viết trình bày đặc điểm, các kiểu chuyển loại giữa danh từ và động từ trong tiếng Việt và tiếng Anh; đồng thời cho thấy sự tương đồng và dị biệt của hiện tượng chuyển loại này ở hai ngôn ngữ.

**Từ khóa**—chuyển loại, chuyển loại giữa danh từ và động từ tiếng Việt, chuyển loại giữa danh từ và động từ tiếng Anh

Hiện tượng chuyển loại trong tiếng Việt cũng như tiếng Anh có thể xảy ra ở tất cả mọi từ loại – cả từ loại thực từ lẫn từ loại không phải thực từ. Trong đó, hiện tượng chuyển loại giữa các thực từ (danh từ (DT), động từ (ĐT) và tính từ) là phổ biến nhất. Ở hiện tượng chuyển loại giữa các thực từ (DT, ĐT và tính từ), số lượng DT chuyển loại thành ĐT và tính từ là cao nhất, rồi đến ĐT, sau cùng là tính từ.<sup>1</sup>

*Ngày nhận bản thảo: 10-4-2017; Ngày chấp nhận đăng: 22-6-2017; Ngày đăng: 31-12-2017*

Võ Thị Ngọc Ân - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM (email: ngocanvo@yahoo.com)

<sup>1</sup> Về hướng chuyển loại và số lượng chuyển loại giữa các thực từ trong tiếng Việt, Hoàng Văn Hành et al. (1998) đã khảo sát 3534 trường hợp chuyển loại và đưa ra kết quả như sau: DT chuyển thành ĐT: 825 trường hợp, chiếm 24%; DT chuyển thành tính từ: 891 trường hợp, chiếm 25%; ĐT chuyển thành DT: 927 trường hợp, chiếm 26%; ĐT chuyển

Bài viết chỉ khảo sát hiện tượng chuyển loại giữa DT và ĐT trong tiếng Việt và tiếng Anh, đồng thời cho thấy sự tương đồng và dị biệt của hiện tượng này ở hai ngôn ngữ.

## 1 HIỆN TƯỢNG CHUYỂN LOẠI – CÁC KHÁI NIỆM LIÊN QUAN

### 1.1 Các quan niệm về hiện tượng chuyển loại:

Nhìn chung có các quan điểm sau:

1. Quan điểm 1: cho rằng đây là một từ được sử dụng ở những chức năng khác nhau;
2. Quan điểm 2: cho rằng đây là những từ đa nghĩa;
3. Quan điểm 3: cho rằng đây là những từ đồng âm khác nhau;
4. Quan điểm 4: cho rằng đây là những từ chuyển loại khác nhau, có đặc tính khác với từ đồng âm và đa nghĩa.

• Về quan niệm 1, có các nhà nghiên cứu sau:

Theo Bùi Đức Tịnh, mỗi từ tiếng Việt đều thuộc về một từ loại căn bản và tùy trường hợp sử dụng (dựa vào ý nghĩa và chức năng ngữ pháp) mà từ loại căn bản của một từ nào đó có thể biến đổi sang một từ loại khác [13, tr. 39-40]. Tương tự, Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ và Phạm Duy Khiêm

---

thành tính từ: 408 trường hợp, chiếm 11,4%; tính từ chuyển thành DT: 249 trường hợp, chiếm 7%; tính từ chuyển thành ĐT: 234 trường hợp, chiếm 6,6%. Như vậy, ta thấy:

- Danh từ chuyển thành động từ và tính từ có 1716 trường hợp, chiếm 49%;
- Động từ chuyển thành danh từ và tính từ có 1335 trường hợp, chiếm 37,4%;
- Tính từ chuyển thành danh từ và động từ có 483 trường hợp, chiếm 13,6%.

Còn trong tiếng Anh, ba dạng chuyển loại chính là DT chuyển loại thành ĐT, tính từ chuyển loại thành ĐT và ĐT chuyển loại thành DT [21, tr. 408], trong đó nhóm ĐT chuyển loại từ DT là quan trọng hơn cả do DT chiếm số lượng lớn nhất trong một ngôn ngữ [21, tr. 403]. Hơn nữa những dạng chuyển loại từ DT có số lượng lớn hơn và có tầm quan trọng hơn hẳn so với các dạng chuyển loại khác [21, tr. 409]. Trong công trình "On the Status of Conversion in Present-Day American English: Controversial Issues and Corpus-Based Study", Atlantis, vol.XXIII, no.2, pp. 7-29, M. Fernández đã nêu rõ các từ chuyển loại chủ yếu là DT và ĐT: phần lớn DT chuyển loại (97,23%) là từ ĐT và phần lớn ĐT chuyển loại (93,10%) là từ DT [tr. 14, 17].

cũng thừa nhận có hiện tượng chuyển loại khi một từ được sử dụng trong những ngữ cảnh khác nhau<sup>2</sup>. Lê Văn Lý khẳng định một từ cùng một lúc không thể thuộc về nhiều từ loại, nhưng lần lượt trong những ngữ cảnh khác nhau thì từ đó có thể thuộc về nhiều từ loại khác nhau [11, tr. 53]. Quan niệm này cho thấy việc lẫn lộn giữa tính phụ thuộc các từ này vào một từ loại nào đó với vấn đề các chức năng cú pháp khác nhau của chúng.

- Về quan niệm 2, có các nhà nghiên cứu sau:

Nguyễn Ngọc Trâm cho rằng đây là các từ đa nghĩa vì tuy có chuyển loại và có một nghĩa mới nhưng vẫn còn thấy rất rõ sự chuyển nghĩa, đồng thời sự thay đổi ý nghĩa ngữ pháp sẽ dẫn đến sự thay đổi về mặt chức năng ngữ pháp của từ [14, tr. 141, 241], hoặc xuất phát chủ yếu từ góc độ ngữ nghĩa nên những từ có quan hệ nghĩa rất rõ nhưng khác nhau về từ loại sẽ là từ đa nghĩa [14, tr. 171]. Các nhà biên soạn từ điển tiếng Việt như Hoàng Phê (2007), Thanh Nghị (1958) và Nguyễn Như Ý (1996) dường như cũng xem từ chuyển loại là từ đa nghĩa khi xếp chung những đơn vị đồng âm có mối quan hệ ngữ nghĩa tương đối rõ vào trong một mục từ (như từ *cày<sub>a</sub>* và *cày<sub>đg</sub>*). Cũng vậy, theo Đỗ Hữu Châu, có những trường hợp trung gian trong cấu tạo từ và giữa các từ loại [4, tr. 113-114] và hiện tượng đa nghĩa là kết quả của sự chuyển biến ý nghĩa của từ [4, tr. 569]. Vậy hiện tượng đồng âm có thể xem là sự “tới giới hạn” của hiện tượng đa nghĩa và các trường hợp chuyển loại (giữa các từ loại hay giữa các tiểu loại) là những từ đa nghĩa [4, tr. 635-636].

- Về quan niệm 3, có các nhà nghiên cứu sau:

Nguyễn Tài Cẩn khẳng định không thể chấp nhận chủ trương một từ có thể thuộc nhiều loại vì sẽ là sai logic phân loại và làm cho kết quả phân loại vô cùng phức tạp. Ông chỉ rõ đó là các từ đồng âm và thừa nhận rằng tuy một từ khi dùng ở ý nghĩa này thì khác xa khả năng kết hợp của nó khi dùng ở ý nghĩa khác nhưng chưa đủ để phá vỡ sự thống nhất trong cùng một từ của hai ý nghĩa [3, tr. 75-78].

Theo Nguyễn Văn Tu, một từ khi chuyển từ loại sẽ thuộc phạm trù ngữ pháp khác mà không thay đổi tổ chức của từ và từ đó ở trực đọc này chuyển sang trực đọc khác. Vậy từ chuyển loại được quy định bởi yếu tố từ pháp và yếu tố cú pháp (tức là một hình thức âm thanh nhưng chứa đựng nội dung khác nhau và có chức năng khác

nhau). Song song là hiện tượng biến đổi về nghĩa, thí dụ động từ chuyển loại thành danh từ thì nghĩa đã biến đổi từ hành động sang khái niệm hoặc vật dụng. Kết quả là ta sẽ có những từ đồng âm khác nghĩa và đây là những từ đồng âm từ vựng-ngữ pháp tức là những từ đồng âm khác nhau về nghĩa từ vựng lẫn ngữ pháp [15, tr. 84-87, 144].

- Về quan niệm 4, có các nhà nghiên cứu sau:

Theo Hoàng Văn Hành và cộng sự (1998), cách giải thích những từ có các đặc trưng hỗn hợp các từ loại là những từ đồng âm không phải là cách giải quyết hợp lý vấn đề đã đặt ra. Mối quan hệ của các ý nghĩa khác nhau tồn tại trong cùng một vô âm thanh ở những từ đang xét, có bản chất khác xa quan hệ giữa các từ đồng âm điển hình theo quan niệm truyền thống, ví dụ giữa *đường* (ăn) và *đường* (đi), giữa *nước* và *nước* (tổ quốc) trong tiếng Việt. Ở những từ đồng âm này không có một mối quan hệ nào về nội dung ý nghĩa, sự trùng hợp vô âm thanh giữa chúng chỉ là ngẫu nhiên. Trong khi đó, các từ có đặc trưng hỗn hợp các từ loại mang những chức năng của các từ loại khác nhau nhưng ý nghĩa của chúng lại có liên hệ chặt chẽ với nhau [23, tr. 143-184].

Nguyễn Thiện Giáp cho rằng nếu một ý nghĩa hình thành do chuyển loại có tính độc lập cao, có thể làm cơ sở để tạo nên những nghĩa phái sinh khác thì có thể coi như đã tách ra thành một từ độc lập. Đó là hiện tượng thay đổi ý nghĩa của một từ, từ một thực thể hoặc khái niệm cụ thể sang một quá trình hoặc một thuộc tính [7, tr. 189-190].

Theo Hoàng Văn Hành, nếu sự chuyển nghĩa diễn ra trong điều kiện mà kiểu cơ cấu nghĩa thay đổi thì đó là hiện tượng chuyển loại. Hướng chuyển nghĩa và chuyển loại của từ diễn ra một cách đều đặn ở nhiều từ, tạo thành một thể tương liên trong quá trình phát triển nghĩa của các từ thuộc cùng một nhóm từ vựng-ngữ nghĩa [10, tr. 19-21]. Và ông gọi đó là những từ chuyển loại [10, tr. 49-51].

Nhìn chung, hầu hết các ý kiến đều cho rằng những từ mang đặc trưng của các từ loại khác nhau là những từ chuyển loại, có đặc tính khác với từ đồng âm và đa nghĩa, đồng thời xem chuyển loại là một phương thức tạo từ.

### 1.2 Loại và hướng chuyển loại:

#### 1.2.1 Các loại chuyển loại

Theo tính ổn định, bền vững về nghĩa, ta có chuyển loại ổn định và chuyển loại lâm thời.

Hiện tượng chuyển loại ổn định khi từ chuyển loại có thể được sử dụng trong toàn bộ ngữ cảnh; còn hiện tượng chuyển loại lâm thời là khi từ

<sup>2</sup> Bùi Trọng Kim, Trần Kỳ, và Phạm Duy Khiêm, *Việt Nam văn phạm (dt Nguyễn Thái Án)*. in lần 8, NXB Tân Việt, 2007

chuyển loại chỉ được sử dụng trong tình huống giao tiếp cụ thể và thường mang tính chất tu từ. Chẳng hạn:

Nón rất Huế nhưng đời không phải thế  
(*Tạm biệt* - Thu Bồn)

Ta là ai mà còn trần gian thế  
(*Tôi ơi, đừng tuyệt vọng* - Trịnh Công Sơn)

Ở hai ví dụ trên, DT Huế và trần gian lâm thời được chuyển loại sang tính từ.

### 1.2.2 Hướng chuyển loại của từ

Nhìn chung, có hai cách tiếp cận lịch đại và đồng đại để xác định hướng chuyển loại. Cách tiếp cận lịch đại thì khách quan và chính xác nhưng gặp phải khó khăn là thời điểm xuất hiện của các từ gốc không phải lúc nào cũng được ghi nhận đầy đủ, đặc biệt là ở tiếng Việt. Do vậy, hướng chuyển loại của từ trong bài viết ở cả hai ngôn ngữ chỉ mang tính chất tương đối.

## 2 CHUYỂN LOẠI GIỮA DT VÀ ĐT TRONG TIẾNG VIỆT

Vấn đề cần đặt ra ở đây là DT có trước hay ĐT có trước. Chẳng hạn những DT chỉ công cụ có thể chuyển sang ĐT chỉ hành vi sử dụng công cụ đó hay ngược lại. Nguyễn Kim Thân (1997) thiên về ý kiến cho rằng đó là ĐT chuyển hóa sang DT, bởi vì theo ông trước khi có những công cụ khá hoàn thiện đó, người ta đã phải lao động và thao tác bằng những công cụ thô sơ khác [9]. Hoàng Văn Hành và cộng sự (1998) đưa ra quan điểm tương tự nhưng có cách giải thích khác: sự biến đổi cấu trúc nghĩa của từ khi cấu tạo từ mới theo phương thức chuyển loại diễn ra theo một trong những hướng chủ yếu là tất cả các từ được chuyển loại đều có cấu trúc nghĩa đơn giản hơn; chẳng hạn trong cấu trúc nghĩa vị của DT *cày* các nghĩa vị: *hoạt động*, *cách thức hoạt động* đã bị triệt tiêu. Như vậy, hướng chuyển loại là *cày<sub>đg</sub> → cày<sub>v</sub>*.

Thật ra, những nhận định như trên cũng có nhiều điểm đáng bàn và sẽ được trình bày ở những phần theo sau.

### 2.1 DT thành ĐT

Sau đây là một số nhóm DT chuyển loại thành ĐT.

#### 2.1.1. DT chỉ công cụ, phương tiện

DT chỉ công cụ, phương tiện chuyển loại thành ĐT chỉ hoạt động dùng công cụ/phương tiện tương ứng. Mỗi liên hệ logic nội tại trong cấu trúc nghĩa giữa hai từ thuộc loại đang xét là mối liên hệ giữa tên gọi công cụ/phương tiện và hoạt động sử dụng công cụ/phương tiện theo tên gọi của nó. Thuộc loại này là những từ: *cưa*, *cuốc*, *bào*, *đục*,

*cày*, *cung*, *cũi*, *còng*, *chài*, *cào*, *cân*, *cùm*, *cáng*, *chĩa*, *bừa*, *bẫy*, *bơm*, *chốt*, *chèo*, *địu*, *kìm*, *cặp*, *keo*, *ghim*, *khoan*, *kiểu*, *càng*, *guồng*, *gùi*, *sàng*, *giũa*, *đâm*, *dùi*, *đệm*, *đàn*, *xích*, *xe*, *khuôn*, *lao*, *khóa*, *bao*, v.v.<sup>3</sup>

Quan sát các ví dụ sau:

(1) a. Chiếc địu<sub>1</sub> đã trở thành phong tục, thành nét văn hóa đẹp của đa số đồng bào các dân tộc vùng cao ở Việt Nam. (*dt baosexaydung.com.vn*)

b. Con thương oi, con quý oi, mẹ địu<sub>2</sub> con đi nhà gửi trẻ.

(*Địu con đi nhà trẻ* - Đào Ngọc Dung)

Ở ví dụ (1), địu<sub>1</sub> là DT chỉ đồ dùng của bà con dân tộc, thường đan bằng mây, tre, dùng để đựng các thứ khi đi làm nương, rẫy. Còn địu<sub>2</sub> là ĐT chỉ hành động mang bằng cái địu.

Một ví dụ nữa là *chén* vốn là DT chỉ dụng cụ để uống nước có thể chuyển sang ĐT *chén* có nghĩa là ăn: *chén một bữa no say*. Hoặc *điện thoại* là DT có thể được dùng làm ĐT: *Anh nhớ điện thoại<sub>đg</sub> cho mẹ nhé!*

Cần chú ý ở nhóm từ này là có một số từ rất khó biết được là DT chuyển hóa sang ĐT hay ngược lại, chẳng hạn: *cưa*, *đục*, *bào*, ...

#### 2.1.2. DT gọi tên sự vật

DT gọi tên sự vật có thể chuyển thành ĐT biểu thị hoạt động tạo thành sự vật. ĐT thuộc nhóm này có ý nghĩa chung, điển hình là “tạo tác, làm nên”. DT thường là tên gọi sự vật, đối tượng, hiện tượng nảy sinh do kết quả hoạt động không chỉ của con người mà còn là những quá trình của hoạt động sống, tác động của các hiện tượng thiên nhiên. Thuộc nhóm này là các từ: *muối*, *thịt*, *điểm*, *gạch*, *mua*, *sấm*, *chớp*, *đai*, *gọn*, *gút*, *nút*, *điện*, *hạn*, *băng*, *bao*, *bọc*, *cạp*, *đế*, *giá*, *búi*, *báo*, *cụm*, *nợ*, *tù*, ...

Quan sát các ví dụ sau:

(2) a. Từ nữ hoàng cho tới các sao Hollywood đều mong muốn sở hữu một “đôi giày đế<sub>1</sub> đồ” mang nhãn hiệu Christian Louboutin.

(*dt xaluan.com*)

b. (...) khi nào Hồng bị đi ghê mắng hay nói xấu thì thế nào bà ta cũng đế<sub>2</sub> thêm vào.

(*Thoát li* - Khải Hưng)

<sup>3</sup> Do vấn đề DT có trước hay ĐT có trước vẫn còn đang có nhiều tranh luận nên ở đây chúng tôi theo quy tắc của I. Plag, từ chuyển loại phải phức tạp hơn về mặt ngữ nghĩa so với từ gốc và kết hợp với quy tắc chuyển DT gọi tên công cụ biểu thị hành động khi gọi tên công cụ đó. Quy tắc chuyển loại trong trường hợp này thể hiện ở chỗ trong tiếng Việt có nhiều DT chỉ công cụ, chỉ có một số DT trong số đó mới có khả năng chuyển thành ĐT. Hơn nữa xem xét các ngữ cảnh cụ thể, có thể thấy tần số xuất hiện những DT chuyển loại đang xét cao hơn rất nhiều so với ĐT tương ứng. [9, tr. 175]

Ở ví dụ (2), *đế<sub>1</sub>* là DT chỉ bộ phận gắn thêm với phần dưới của một số vật. Còn *đế<sub>2</sub>* là ĐT chỉ hành động nói chêm vào, xen vào.

Ngoài ra, trong nhóm trên có những DT chỉ chất liệu/vật liệu như *muối<sub>1</sub>*, *son*, *thịt*,... có thể chuyển sang ĐT biểu thị cho hoạt động cơ bản khi sử dụng chất liệu/vật liệu đó hoặc có được chất liệu/vật liệu đó, chẳng hạn:

(3) Cô ấy lấy *muối<sub>1</sub>* để *muối<sub>2</sub>* cá.

Ở ví dụ (3), *muối<sub>1</sub>* là DT chỉ vật liệu; *muối<sub>2</sub>* là ĐT thực hiện hành động muối (ướp thức ăn).

2.1.3. DT biểu thị tên gọi trừu tượng:

DT nhóm này được dùng để chỉ các hoạt động trừu tượng; và ĐT chuyển loại thường có ý nghĩa điển hình là “ở trạng thái, tình trạng nào đó” hoặc “làm cho có trạng thái hoặc tình trạng đó”. Chẳng hạn *hứng<sub>d</sub>* là sự hưng phấn về tinh thần, còn *hứng<sub>dg</sub>* là gây ra sự hưng phấn tinh thần; *cảm giác<sub>d</sub>* là sự cảm nhận một cách cảm tính các hiện tượng, các thuộc tính đơn lẻ của sự vật bằng các cơ quan cảm giác, còn *cảm giác<sub>dg</sub>* là nhận thức bằng cảm giác, có cảm giác<sup>4</sup>. Thuộc nhóm chuyển loại này là các từ: *ảnh hưởng*, *chủ tâm*, *biến chứng*, *âm mưu*, *công tác*, *cấu trúc*, *chủ ý*, *giả thiết*, *hứng*, *hệ thống*, *hợp đồng*, *kỷ niệm*, *giao kèo*, *giới hạn*, v.v...

Xét các ví dụ sau:

(4) a. Tôi đã ký một giao ước ân tình cùng cái đẹp  
Tôi đã ký một *giao kèo<sub>d</sub>* xương máu với nhân dân.

(*Canto general* - Pablo Neruda)

b. Hai chúng tôi *giao kèo<sub>dg</sub>* rằng nếu như ai thua sẽ bị bôi đất bùn lên mặt.

(5) a. *Ảnh hưởng<sub>d</sub>* của phim Hàn Quốc đến giới trẻ Việt Nam (*dt.baomoi.com*)

b. Hồi han ít thôi khỏi *ảnh hưởng<sub>dg</sub>* đến công việc của anh ta.

(*Người cảm sung* - Lê Lưu)

2.1.4. DT tổng hợp

Theo Nguyễn Kim Thản (1997), có khoảng hơn hai chục DT tổng hợp có thể chuyển hóa thành ĐT như: thuốc men, thuốc thang, chợ búa, rau cháo, cơm nước, dưa muối, thịt cá, bạn bè, cờ bạc, rượu chè, thuốc xái, họ hàng, anh em, chị em, thầy trò, vợ con, vợ chồng, ông cháu, thầy tớ, quả cáp, lễ lạt, v.v..

<sup>4</sup> Quan điểm này có phần khác với Nguyễn Văn Tu (1978) khi ông cho rằng: những ĐT cảm nghĩ có hai âm tiết có thể chuyển sang DT: *suy nghĩ* vốn là ĐT có thể chuyển thành DT chỉ quá trình của sự suy nghĩ; ĐT *nhận thức* - là biết được sự vật ở bên ngoài, có thể chuyển thành DT *nhận thức* - là điều mà người ta biết được về ngoại giới, v.v... *Cảm giác* vốn là ĐT có thể chuyển sang DT *cảm giác* - là sự nhận biết sự vật bên ngoài do giác quan trực tiếp chịu sự kích thích của hoàn cảnh [15, tr. 86-92].

Xem các ví dụ sau:

(6) ... anh chỉ kết bạn với những ai ai, ... hôm thì *rượu chè* linh đình, hôm thì *cờ bạc* tấp nập.

[12, tr. 180]

Ở ví dụ (6) có sự chuyển hóa từ DT tổng hợp thành ĐT *rượu chè<sub>dg</sub>* *cờ bạc<sub>dg</sub>*.

(7) a. Mùa này *chợ búa<sub>1</sub>* khan hiếm, tôm cá đánh về bán được giá.

(*Đêm long diên hương* - Bích Du)

b. Bà ấy bây giờ chỉ làm ruộng chứ có *chợ búa<sub>2</sub>* gì nữa đâu!

Ở ví dụ (7), *chợ búa<sub>1</sub>* là DT chỉ *chợ* nói chung. Còn *chợ búa<sub>2</sub>* là ĐT chỉ hoạt động hành nghề mua bán/kinh doanh ở chợ.

Đại từ nhân xưng hoặc những DT xưng hô chuyển hóa thành ĐT thường đi từ một đến hai cặp đối ứng với nhau: *mày tao*, *anh anh em em*, *ông ông con con*, ...

(8) Hấn chỉ *mày* (mày) *tao* (tao) chứ không bao giờ nói năng từ tế.

(9) Tôi không *vơ con* gì với nó. [12, tr. 180]

Nhìn chung, theo Hoàng Văn Hành và cộng sự (1998) trong các trường hợp chuyển loại từ DT sang ĐT thì những DT biểu thị công cụ, dụng cụ lao động, đồ dùng chiếm tỷ lệ cao. Trong 300 trường hợp đã khảo sát, DT thuộc nhóm này chiếm 63% [8, tr. 181]. Đáng chú ý là hầu như tất cả các DT kiểu này đều là từ đơn tiết và thuộc lớp từ vựng cơ bản. Đồng thời, các DT có ý nghĩa trừu tượng và khái quát cũng có khả năng chuyển loại mạnh mẽ. Đa số các DT nhóm này là những từ đa tiết, trong đó từ Hán - Việt chiếm 90%. Do sự phát triển của xã hội cùng với nhu cầu tạo ra từ mới ngày càng tăng, các DT thuộc nhóm này ngày càng có khả năng chuyển loại nhiều hơn và đa dạng hơn.

2.2 ĐT thành DT

Tiếng Việt có một số lượng khá lớn ĐT<sup>5</sup> chuyển hóa thành DT.

2.2.1. ĐT biểu thị hoạt động điển hình, đặc trưng cho một người/nhóm người:

ĐT nhóm này có thể chuyển loại sang DT để chỉ nghề nghiệp, nghĩa vụ, chức năng của người/nhóm người đó. Ví dụ, *phiên dịch<sub>dg</sub>* (truyền đạt thông tin bằng một ngôn ngữ khác) và *phiên dịch<sub>d</sub>* (người làm nhiệm vụ chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác; *kế toán<sub>dg</sub>* (xác định số lượng, tổng số một cái gì đó) và *kế toán<sub>d</sub>* (người chuyên thực hiện chức năng tính toán). Thuộc

<sup>5</sup> Việc phân loại các nhóm động từ ở mục này dựa theo Hoàng Văn Hành và cộng sự. (1998)

nhóm này có các từ như: *đồng minh, đồng môn, giám đốc, giám sát, giao liên, liên lạc, dự thám, đạo diễn, đặc công, điệp báo, do thám, du kích, cấp dưỡng, cứu thương, bảo an, cướp, chỉ huy, chủ tọa, đại diện, đại biểu, chỉ điểm, ăn mày, đẽ, thông ngôn, v.v...* [9, tr. 178-179].

Quan sát các ví dụ sau:

(10) a. Một tâm hồn mạnh mẽ luôn luôn hy vọng<sub>1</sub>, và luôn luôn có động cơ để hy vọng<sub>1</sub>.

(*A strong mind always hopes, and has always cause to hope* -Thomas Carlyle)

b. Nỗi buồn đánh thức hy vọng<sub>2</sub>

(*Hy vọng* – Nguyễn Khoa Điềm)

Ở ví dụ (10), *hy vọng*<sub>1</sub> là ĐT tin tưởng và mong chờ điều tốt đẹp đến. Còn *hy vọng*<sub>2</sub> là DT chỉ niềm tin tưởng và mong đợi vào điều tốt đẹp sẽ đến.

(11) Đang trưa ăn mày<sub>1</sub> vào chùa

Sư ra cho một lá bùa rồi đi

Lá bùa chẳng biết làm chi

Ăn mày<sub>1</sub> nhét túi lại đi ăn mày<sub>2</sub>.

(*Vào chùa* – Đồng Đức Bốn)

Trong ví dụ (11), *ăn mày*<sub>1</sub> là DT chỉ người đi xin của bố thí để sống. Còn *ăn mày*<sub>2</sub> là ĐT thực hiện hành động đi xin của bố thí của người ăn mày.

2.2.2. ĐT biểu thị hoạt động:

ĐT nhóm này chuyển thành DT chỉ tên sự vật, đồ vật, kết quả, ... do hoạt động đó tạo nên. Ví dụ, *khí a<sub>g</sub>* (làm thành một đường lõm nhỏ và dài trên bề mặt một vật) và *khí a<sub>d</sub>* (đường lõm nhỏ và dài). Thuộc nhóm này là các từ như *bước, di chúc, gắp, đùm, hóp, ngum, gói, gánh, khứa, dẫn, gộp, đấng ký, đẽ, ký họa, cuộn, cuốn, buộc, khâu, chỉ thị, báo cáo, chủ trương, chồng, bùm, chi phí, công hiến, hoán vị, khuyết, hợp tác, giao, dự trữ, dự thảo, hy vọng, thông báo, tuyên bố, kiến nghị, dự định, hiểu biết, đòi hỏi, v.v...*

Xét các ví dụ sau:

(12) a. Tại Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển báo cáo<sub>1</sub> tổng kết năm học 2013 - 2014 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2014 - 2015. (*dt giaoducthoidai.vn*)

b. Chiêu sinh lớp: “Kỹ năng thiết kế và viết báo cáo<sub>2</sub> nghiên cứu khoa học bằng tiếng Anh”

(*dt nhanlucnhanvan.edu.vn*)

Ở ví dụ (12), *báo cáo*<sub>1</sub> là ĐT; còn *báo cáo*<sub>2</sub> là DT.

(13) a. Nhà báo hải ngoại ký họa<sub>1</sub> chân dung người lính đảo

(*dt danviet.vn*)

b. Tư liệu lịch sử trong các bức ký họa<sub>2</sub> của Tô Ngọc Vân

(*dt giaiTri.vnexpress.net*)

Ở ví dụ (13), *ký họa*<sub>1</sub> là ĐT; còn động *ký họa*<sub>2</sub> là DT.

2.2.3. ĐT biểu thị hoạt động, trạng thái:

ĐT biểu thị hoạt động, trạng thái chuyển sang từ chỉ tên công cụ, đồ vật, vật mà nhờ chúng hoạt động được thực hiện và hoàn thiện. Thuộc nhóm này có các từ: *chấn, kê, đột, cản, chêm, chèn, bộp phá, cửi, cầu, chụp, độn, gác, nê, ký túc, dẫn chứng, độc tấu, cản cứ, găm, ghim, kẹp, v.v...*

Quan sát các ví dụ sau:

(14) a. Kiểu từ trở gót trường hoa

Mặt trời gác<sub>1</sub> núi, chiêm đầ thu không

(*Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

b. Phòng của tôi ở gác<sub>2</sub> ba (tầng thứ ba).

Ở ví dụ (14), *gác*<sub>1</sub> là ĐT; còn *gác*<sub>2</sub> là DT.

(15) a. Hàng trăm con người nêm<sub>1</sub> nhau, nhét nhau vào một cái quán. (*Quê người* -Tô Hoài)

b. Ngựa xe đường cái thực thì như nêm<sub>2</sub>.

(*Truyện Thạch Sanh* – Khuyết danh)

Ở ví dụ (15), *nêm*<sub>1</sub> là ĐT; còn *nêm*<sub>2</sub> là DT.

Ngoài ra, có một số ĐT chỉ hoạt động như *bó, gánh, nắm, vốc, ...* có thể chuyển loại thành DT đơn vị, chẳng hạn :

(16) 15 giờ, củi đã kiếm đầy, và được bó<sub>1</sub> lại thành từng bó<sub>2</sub> gọn gàng. (*dt baomoi.com*)

Ở ví dụ (16), *bó*<sub>1</sub> là ĐT; còn *bó*<sub>2</sub> là DT.

2.2.4. ĐT biểu thị hoạt động trừu tượng:

ĐT nhóm này chuyển thành DT chỉ tên hành động, trạng thái được coi là kết quả của hành động. Chẳng hạn *khởi nghĩa a<sub>g</sub>* (đứng lên đấu tranh chống lại ai đó, giành chính quyền và xây dựng một cơ cấu xã hội mới) và *khởi nghĩa a<sub>d</sub>* (hình thức cao nhất của đấu tranh vũ trang của những người bị áp bức chống lại kẻ thù). Thuộc nhóm này là các từ như: *chuyên chính, đảo chính, hành động, kiến tạo, dụng ý, kháng chiến, kiến trúc, bố cục, đảm bảo, cam đoan, bảo hành, cam kết, điều tiết, cảnh giác, giải phẫu, hẹn, thắc mắc, suy nghĩ, hồi tưởng, cảm giác, dẫn vật, quyết định, điều hòa, v.v...*

Quan sát các ví dụ sau:

(17) a. Tòa nhà được kiến trúc<sub>1</sub> theo lối hiện đại. (*dt tratu.soha.vn*)

b. Kiến trúc<sub>2</sub> nhà vườn An Hiền với tổng diện tích 4.600 m<sup>2</sup> vẫn còn giữ được nét độc đáo của kiến trúc<sub>1</sub> cổ, tiêu biểu cho nhà rường Huế. (*dt dothi.net*)

Ở ví dụ (17), *kiến trúc*<sub>1</sub> là ĐT; còn *kiến trúc*<sub>2</sub> là DT.

(18) a. Không hẹn<sub>1</sub> mà đến, không chờ mà đi Bốn mùa thay lá thay hoa thay mãi đời ta

(*Bốn mùa thay lá* – Trịnh Công Sơn)

b. Đến hẹn<sub>2</sub> lại lên

(Tên bộ phim sản xuất năm 1974 của đạo diễn Trần Vũ)

Ở ví dụ (18), *hẹn<sub>1</sub>* là ĐT chỉ hành động nói, thỏa thuận với ai đó cùng làm việc gì trong một thời gian cụ thể sắp tới. Còn *hẹn<sub>2</sub>* là DT chỉ sự thỏa thuận/lời thương lượng với ai đó.

(19) a. Trông về mặt tươi tắn, nhí nhảnh của cô, Thường cảm giác<sub>2</sub> như cô đã quên bằng những điều mình vừa nói, những trần trở dường như vượt quá tuổi tác của cô.

(*Bong bóng lên trời* - Nguyễn Nhật Ánh)

b. Tôi bỗng có cảm giác<sub>1</sub> thèm ghê gớm: không phải thèm ăn, không phải thèm ngủ, không phải thèm thuốc lá...

(*Tuổi 20 yêu dấu* - Nguyễn Huy Thiệp)

Ở ví dụ (19), *cảm giác<sub>1</sub>* là ĐT chỉ trạng thái nhận thức chủ quan bằng cảm tính; còn *cảm giác<sub>2</sub>* là DT chỉ điều nhận thấy qua cảm tính.

Nhìn chung, theo Hoàng Văn Hành và cộng sự (1998), trong 700 trường hợp chuyển loại, ĐT chuyển thành DT chiếm 25%. Trong đó, các ĐT thuộc kiểu loại sau có khả năng chuyển loại nhiều hơn cả:

i) Nhóm ĐT biểu thị các hoạt động chính trị - xã hội có khả năng chuyển loại sang DT nhiều nhất, chiếm 47% trong số 305 trường hợp được xem xét. ĐT trong nhóm này hầu hết là từ đa tiết và có nguồn gốc Hán - Việt như: *bổ nhiệm, cảnh cáo, cạnh tranh, huấn luyện, quyết nghị, tố cáo, truy nã, điều hòa, đăng ký, kiến nghị, đề nghị, hiệu triệu, định nghĩa, dự thảo, v.v...*

ii) Nhóm đứng thứ hai là các ĐT biểu thị hoạt động của con người, chiếm 32,5% trong số 305 trường hợp được xem xét. Đó là các từ như *bó, buộc, cuộn, dùm, ôm, túm, đùm, vốc, chụp, tát, khứa, càn, càn, gắp, v.v..* Hầu hết là từ đơn tiết và có nguồn gốc thuần Việt.

iii) Nhóm thứ ba là các ĐT biểu thị những hoạt động cụ thể của con người, diễn hình cho nghề nghiệp nhất định, hoặc chức vụ, nghĩa vụ của con người. DT được cấu tạo bằng chuyển loại thuộc nhóm này thường tên gọi của người trong tổ chức, cơ quan. Các ĐT thuộc loại này chiếm 17% trong 305 trường hợp đã khảo sát: *do thám, dự thám, chỉ huy, cấp dưỡng, giao liên, cứu thương, đặc công, đạo diễn, phiên dịch, v.v..* Phần lớn là từ đa tiết và có nguồn gốc Hán - Việt [9, tr. 183-184]

### 2.3 Nhận xét

2.3.1. DT chuyển loại thành ĐT bao gồm DT chỉ công cụ, phương tiện; DT gọi tên sự vật; DT biểu thị tên gọi trừu tượng được dùng để chỉ các hoạt động trừu tượng và DT tổng hợp. Ngoài ra, còn có trường hợp DT chuyển loại lâm thời sang ĐT.

Trong các nhóm DT chuyển loại, các DT biểu thị công cụ, dụng cụ lao động, đồ dùng chiếm tỉ lệ

cao và hầu hết đều là từ đơn tiết và thuộc lớp từ vựng cơ bản. Bên cạnh đó, các DT có ý nghĩa trừu tượng và khái quát cũng có khả năng chuyển loại mạnh mẽ và hầu hết là từ “đa tiết”, trong đó từ Hán - Việt chiếm 90%.

2.3.2. ĐT chuyển loại thành DT bao gồm ĐT biểu thị hoạt động điển hình, đặc trưng cho một nhóm người (tạo nên DT biểu thị nghề nghiệp, công việc); biểu thị hoạt động cụ thể (tạo nên DT); biểu thị hoạt động, trạng thái (mà nhờ DT mà hoạt động này được thực hiện và hoàn thiện); biểu thị hoạt động trừu tượng (mà DT được coi là kết quả hành động của ĐT).

Trong các nhóm ĐT chuyển loại, các ĐT biểu thị các hoạt động chính trị - xã hội có khả năng chuyển loại sang DT nhiều nhất; hầu hết là từ “đa tiết” và có nguồn gốc Hán - Việt. Thứ hai là các ĐT biểu thị hoạt động của con người; hầu hết là từ đơn tiết và có nguồn gốc thuần Việt. Thứ ba là các ĐT biểu thị những hoạt động cụ thể của con người, diễn hình cho nghề nghiệp nhất định, hoặc chức vụ, nghĩa vụ của con người; hầu hết các ĐT thuộc loại này là từ đa tiết và có nguồn gốc Hán - Việt.

## 3 CHUYỂN LOẠI GIỮA DT VÀ ĐT TRONG TIẾNG ANH

### 3.1 DT chuyển thành ĐT

Đây là hiện tượng chuyển loại phổ biến nhất trong tiếng Anh, chẳng hạn DT access (truy cập) thành ĐT như trong access the file<sup>6</sup> (truy cập các tập tin); tương tự host<sub>n</sub> (chủ nhà) thành host<sub>v</sub> a party (tổ chức/“làm chủ” một bữa tiệc); chair<sub>n</sub> (ghế) thành chair<sub>v</sub> the meeting (chủ trì cuộc họp); hoặc như ví dụ sau: Don't talk<sub>v</sub> the talk<sub>n</sub> if you can't walk<sub>v</sub> the walk<sub>n</sub>.

I. Plag (1999), dựa theo từ điển Oxford English Dictionary, cho thấy có đến 488 ĐT được chuyển loại từ DT.

i) Theo quan điểm ngữ nghĩa-ngữ pháp, dạng chuyển loại từ DT sang ĐT có thể phân định theo các nhóm<sup>7</sup> (Bảng 1):

<sup>6</sup> Cụm từ tương đương với *access*, *the file* mà trước đây hay dùng là *gain access*, *to the file*.

<sup>7</sup> V. Adams, Y.M. Biese, R. Quirk et al. v.v. [17, tr. 42-49], [20, tr. 229-230], [19, tr. 1641-1642], [22, tr. 83-90, 317-322], [24, tr. 107, 112-113], [25, tr. 1561].

Bảng 1. Nhóm ĐT được chuyển đổi từ DT biểu thị người, động vật hoặc vật

| TT | ĐT được chuyển đổi từ DT biểu thị người, động vật hoặc vật  | Ý nghĩa  |
|----|---|--|
| 1  | <i>to father</i> (xử sự như là cha), <i>captain</i> (là đội trưởng/cầm đầu), <i>nurse</i> (hành động như là y tá), <i>witness</i> (chứng kiến), <i>referee</i> (làm trọng tài), <i>hostess</i> (làm tiếp viên), <i>parrot</i> (nói như vẹt), ...<br>VD: <i>to nurse the baby</i> (chăm sóc cho em bé).  | to behave/act like/be N<br>(hành xử/hành động như/là N)                  |
| 2  | <i>to heap</i> (làm thành đống), <i>bundle</i> (bó lại), <i>group</i> (gom lại thành nhóm), <i>arch</i> (uốn thành vòng cung), <i>bridge</i> (làm cầu nối), <i>cash</i> (trả/đổi tiền mặt), <i>cripple</i> (làm tàn tật), <i>fool</i> (đánh lừa), <i>orphan</i> (làm mồ côi), ...<br>VD: <i>to orphan the boy</i> (làm đứa bé đó mồ côi).   | to make or change into N<br>(tạo thành/thay đổi thành N)                 |
| 3  | <i>to bag</i> (bỏ vào giỏ), <i>pocket</i> (bỏ vào túi), <i>bottle</i> (bỏ vào/đóng chai), <i>jail</i> (bỏ tù), <i>can</i> (bỏ vào lon), <i>carpet</i> (đặt trên thảm), <i>land</i> (đặt trên đất), <i>surface</i> (phủ trên bề mặt), <i>film</i> (quay phim), <i>table</i> (đặt trên bàn), ...<br>VD: <i>to pocket the money</i> (bỏ tiền vào túi).   | to put into/on N<br>(đặt vào trong/lên trên N)                           |
| 4  | <i>Brake</i> (thắng xe/dừng xe bằng thắng), <i>knife</i> (cắt bằng dao) <i>hammer</i> (đồng bằng búa), <i>comb</i> (chải bằng lược), <i>mirror</i> (soi gương), <i>rope</i> (cột bằng dây thừng), <i>blanket</i> (trải chăn), <i>eye</i> (nhìn/để mắt đến), <i>elbow</i> (thúc (bằng) khuỷu tay), <i>finger</i> (sờ/đánh (đàn) bằng ngón tay), <i>hand</i> (trao tay), <i>glue</i> (dán keo), ...<br>VD: <i>to knife the steak</i> (cắt lát thịt bằng dao). | to do with N (thực hiện hành động với/bằng N)                            |
| 5  | <i>tostaff</i> (bổ trí nhân viên), <i>butter</i> (phết bơ), <i>salt</i> (ướp muối), <i>wax</i> (phủ sáp), <i>water</i> (tưới nước), <i>plaster</i> (trát thạch cao), <i>shelter</i> (cho nơi trú), <i>coat</i> (phủ lên), <i>carpet</i> (trải thảm), <i>mask</i> (đeo mặt nạ), ...<br>VD: <i>to shelter the refugees</i> (cung cấp nơi trú ẩn cho những người tị nạn).  | to give/provide/coat with N<br>(cho/cung cấp/bao phủ với/bằng N)         |
| 6  | <i>to skin</i> (lột da), <i>milk</i> (vắt sữa), <i>peel</i> (lột vỏ), <i>dust</i> (phủ bụi), <i>weed</i> (diệt cỏ), ...<br>VD: <i>to skin the lamb</i> (lột da cừu).  | to deprive of/remove from N<br>(trước đoạt/ loại bỏ N ra khỏi/từ/của...) |
| 7  | <i>To email</i> (gửi email), <i>mail</i> (gửi thư), <i>bicycle</i> (đi bằng xe đạp), <i>helicopter</i> (dịch chuyển bằng máy bay trực thăng), <i>boat</i> (đi thuyền), ...<br>VD: <i>to mail a letter</i> (gửi một lá thư).   | to send or go by N (gửi hoặc di chuyển bằng/bởi N)                       |
| 8  | <i>to counter-attack</i> ((tiến hành) phản công), <i>experiment</i> ((thực hiện) thử nghiệm), <i>campaign</i> ((tiến hành) vận động), <i>gesture</i> (bày tỏ cử chỉ), ...<br>VD: <i>to experiment with the new method</i> (thử nghiệm bằng phương pháp mới).  | to perform N<br>(làm/thực hiện N)  |
| 9  | <i>to winter</i> (trải qua mùa đông), <i>to summer</i> (trải qua mùa hè), ...<br>VD: <i>to summer in Hạ Long bay</i> (trải qua kỳ nghỉ hè ở Vịnh Hạ Long).  | To spend N (trải qua+N)  |

Ngoài ra, còn có nhóm ĐT (*onomatopoeia verb*) tượng thanh chuyển đổi từ DT tượng thanh (Bảng 2):

Bảng 2. Nhóm ĐT được chuyển đổi từ DT tượng thanh

|    | ĐT chuyển đổi từ DT tượng thanh  | Ý nghĩa  |
|----|--|--|
| 10 | burp, chuff, oink, ooh, hurrah, boo ding-dong, snip-snap, hurry-scurry, criss-cross, wig-wag,... | say/utter the sound of X<br>(nói/thốt ra âm thanh X) |

Quan sát các ví dụ sau:

(20) a. She opened her bag<sub>n</sub> and took out her comb.

(Cô mở túi xách của mình và lấy ra chiếc lược)

b. Customers bagged<sub>v</sub> their own groceries.

(Khách hàng bỏ thực phẩm vào giỏ)

(21) a. You can contact us by email<sub>n</sub> or fax.

(Anh có thể liên lạc với chúng tôi qua email/thư điện tử hoặc bản fax)

b. Email<sub>v</sub> me when you've got time.

(Hãy gửi email/thư điện tử cho tôi khi chị có thời gian)

Điều cần chú ý ở ĐT công cụ (instrumental verb) thuộc nhóm 4 trên là các ĐT này thường đề cập đến hoạt động nhằm sử dụng vật được miêu tả bởi DT tương ứng, bao hàm công dụng cơ bản của vật. Nhưng có một số ĐT chỉ miêu tả cách thức của chuyển động. Xét ví dụ sau:

(22) He hammered the desk with his shoe.

(Anh ta đóng cái bàn bằng chiếc giày)

Ở ví dụ này, ĐT *hammer* miêu tả cách thức của hành động (dùng vật nặng có bề mặt phẳng đập vào bề mặt khác) chứ không bao gồm việc sử dụng cái búa. Các ĐT như vậy gọi là ĐT dụng cụ giả (pseudo-instrumental verbs).<sup>8</sup>

ii) Theo quan điểm ngữ pháp chức năng, có thể diễn giải quá trình chuyển loại ở một số DT như sau:

- Công cụ (instrument) thay cho hành động (action): *to ski, to shampoo (one's hair)*;

- Tác thể (agent) thay cho hành động (action): *to butcher (a cow), to author (a book)*;

- Đối tượng (object) liên quan đến hành động thay cho hành động (action) *to blanket (the bed)*;

- Hành động (action) thay cho đối tượng liên quan đến hành động (action): *(give me one) bite*.

[3, tr. 54-55].<sup>9</sup>

Ta có ví dụ cụ thể như sau:

(23a) I cover the bed with the blanket<sub>n</sub>

→ I blanket<sub>v</sub> the bed.

(Tôi trải giường bằng tấm ra)

(23c) John hit the nail with the hammer<sub>n</sub>

→ John hammered<sub>v</sub> the nail.

(John dùng búa đóng đinh)

(23e) I am sure the coach will put me on the bench<sub>n</sub>

→ I'm sure the coach will bench<sub>v</sub> me.

(Tôi chắc rằng các huấn luyện viên sẽ để tôi ở ghế dự bị)

Như vậy, trong quá trình chuyển loại, từ được chuyển loại có thể được diễn giải bằng cách tham chiếu đến từ gốc; chẳng hạn từ *cheat*<sub>n</sub> (*kẻ lừa bịp*) = *someone who cheats*<sub>v</sub> (*lừa bịp*); *stop*<sub>n</sub> (*ga/bến đỗ*) = *a place where one stops*<sub>v</sub> (*dừng lại/đỗ lại*).

Việc sử dụng các ĐT được chuyển loại ngắn gọn hơn so với DT. Chẳng hạn, *to bottle water* ngắn gọn hơn so với *to put/pour water in bottles*.

Cần chú ý là có một số từ chuyển loại theo kiểu này được sử dụng một cách hài hước hoặc như một loại "tiếng lóng"; chẳng hạn từ *beer* trong *beer*<sub>v</sub> *me* (*give me a beer*<sub>n</sub>) hoặc từ *eye* trong *eye*<sub>v</sub> *it* (*look at it*).

### 3.2 ĐT chuyển thành DT

ĐT được chuyển loại từ ĐT có thể được diễn giải và phân thành các nhóm chính sau:

ĐT thể hiện trạng thái/cảm xúc (state/emotion) như *hope, miss, love, doubt, experience, fear, taste, ...*

ĐT thể hiện hoạt động hoặc sự kiện (activity/event): *laugh, guess, walk, attack, jump, spy, ...*

ĐT được dùng như đối tượng của ĐT gốc (object of verb): *answer* ("that would be answered"), *buy, call, visit, increase, catch, ...*

ĐT được dùng như chủ ngữ của ĐT gốc (subject of verb): *judge, spy, clone, bore, cheat, show-off, ...*

ĐT được dùng như công cụ của ĐT gốc (instrument of verb): *cover, wrap, ...*

ĐT được dùng như phương thức của hành động (manner of verb): *walk, throw, ...*

ĐT cho thấy vị trí của hành động (place of verb): *turn* (khúc quanh), *drive-in* (nơi khách hàng có thể lái xe vào), ... [25, tr. 1560]

Thông thường, các DT chuyển loại này có thể được sử dụng với *have* (*có*), *take* (*lấy*), *make* (*thực hiện*), *give* (*cho*).

Quan sát những ví dụ sau:

(24) a. You haven't answered<sub>v</sub> my question.

(Anh đã không trả lời câu hỏi của tôi)

b. *He knocked and entered without waiting for an answer*<sub>n</sub>.

(Anh ta gõ cửa và bước vào mà không cần đợi câu trả lời)

<sup>8</sup> Dt Nguyễn Thái Ân, 2007.

<sup>9</sup> Kövecses, Zoltán and Radden, Günter (1998), Metonymy: Developing a Cognitive Linguistic View, Cognitive linguistics 9-1, 37-77.



(25) a. Snow covered<sub>v</sub> the hillsides. (Tuyết bao phủ sườn đồi)

b. A few years ago, David Byrne was on the cover<sub>n</sub> of Time magazine.

(Collins COBUILD)

(Một vài năm trước, David Byrne xuất hiện trên trang bìa của tạp chí Time)

(26) a. The Earth turns<sub>v</sub> on its axis once every 24 hours. (dictionary.cambridge.org)

(Trái đất quay quanh trục của nó 24 giờ một lần)

b. We take turns<sub>n</sub> to answer the phone.

Chúng tôi thay phiên nhau trả lời điện thoại)

Cần chú ý là có một số dạng chuyển loại khá đặc biệt từ ĐT sang DT như:

- Trợ ĐT (auxiliary verb) chuyển loại sang DT, như ví dụ sau:

(27) This novel is a must<sub>n</sub> for all lovers of crime fiction.

(Cuốn tiểu thuyết này là thứ phải có cho tất cả những ai yêu thích truyện trinh thám).

(28) If you live in the country a car is a must<sub>n</sub>.

(Nếu anh sống ở nông thôn thì xe hơi là thứ phải có)

Ở ví dụ (27) và (28), *must* là DT có nghĩa là thứ mà chúng ta phải làm, xem, mua, có... (something that you must do, see, buy, have...). Nó được chuyển loại từ trợ ĐT *must* (*phải*).

- Có nhiều DT được chuyển đổi từ cụm ĐT (phrasal verb) như *hand-out*, *stand-by*, *teach-in*, *shut-down*, ...

Xem các ví dụ sau:

(29) a. The teacher asked her to hand-out<sub>v</sub> the worksheets.

(Giáo viên yêu cầu cô phát bài tập)

b. On page two of your hand-out<sub>n</sub>, you will find a list of the books that I have referred to during the lecture.

(dictionary.cambridge.org)

(Trên trang hai tài liệu, các bạn sẽ tìm thấy một danh sách các cuốn sách mà tôi đã đề cập trong bài giảng).

(30) a. Stand-by<sub>v</sub> me

(Hãy ở bên anh)

(Tên bài hát do ca sĩ Ben, E. King trình bày)

b. I always keep a pizza in the freezer as a stand-by<sub>n</sub>.

(Tôi luôn luôn để một bánh pizza sẵn trong tủ lạnh)

Ngoài ra, có nhiều động tính từ (participle) chuyển đổi thành DT, vd. *given* (phân từ của ĐT *give*<sub>v</sub>) → a *given*<sub>n</sub>,... Xem ví dụ sau:

(31) a. They were to meet at a given<sub>p</sub> time and place.

(Họ đã gặp nhau vào thời gian và địa điểm định sẵn)

b. At a couture house, attentive service is a given<sub>n</sub>.

(Ở nơi sang trọng thì dịch vụ chu đáo là điều tất nhiên)

### 3.3 Xu hướng chuyển loại giữa ĐT và DT

Từ bảng phân loại của C. Fellbaum [22, tr. 305-311], phần mềm phiên bản 2.1 (WordNet version 2.1) và nguồn ngữ liệu của WordNet (WordNet database) [31], và bộ từ điển không rút gọn *Random House Webster's Unabridged Dictionary* phiên bản 3.0 (CD-ROM) với 221.444 mục từ (để khảo sát từ nguyên và nguồn gốc của từ), Nguyễn Thái Ân (2007) đã khảo sát và ghi nhận được các kết quả về xu hướng chuyển loại giữa ĐT và DT trong tiếng Anh (theo 15 nhóm) như sau [1, tr. 82-91]:

❖ Nhóm 1: Phần lớn các ĐT chỉ các chức năng và hành động chăm sóc cơ thể (verbs of bodily functions and care) như *sweat* (toát mồ hôi), *shiver* (run rẩy), *ache* (đau), *tire* (mệt), *sleep* (ngủ), *freeze* (lạnh cóng), *wash* (rửa), *shave* (cạo), v.v. đều có thể chuyển loại thành DT. Ví dụ:

(32) a. He was sweating<sub>v</sub> buckets.

(Anh ấy toát mồ hôi đầm đìa)

b. She wiped the sweat<sub>n</sub> from her face.

(Cô ấy lau mồ hôi trên mặt) [29, tr. 1590-1591]

❖ Nhóm 2: Chỉ một số ít ĐT thuộc nhóm các ĐT *thay đổi* (verbs of change) như *change* (*thay đổi*), *turn* (*biến chuyển*) là chuyển loại từ ĐT sang DT. Ví dụ:

(33) a. She turned<sub>v</sub> her head away.

(Cô ấy quay đầu đi)

b. His health has taken a turn<sub>n</sub> for the worse.

(Sức khỏe anh ấy xấu đi) [29, tr. 1590-1591]

❖ Nhóm 3: Phần lớn các ĐT chỉ hành động *giao tiếp* (verbs of communication) cơ bản như *stammer* (nói lắp), *mumble* (lâm bâm), *revise* (sửa lại), *scribble* (viết tháu), ... đều có thể chuyển loại thành DT. Ví dụ:

(34) a. She mumbled, an apology and left.  
(Cô ấy lẩm bẩm lời xin lỗi và bỏ đi)

b. He spoke in a low mumble, as if to himself.

(Anh ấy nói lẩm bẩm như là nói với chính mình) [29, tr. 964]

❖ Nhóm 4: Các ĐT *cạnh tranh* (competition verbs) chủ yếu được chuyển loại từ DT như *referee* (làm trọng tài), *team* (hợp sức, lập thành đội), *campaign* (tham gia chiến dịch), *duel* (đấu tay đôi), *fight* (chiến đấu), *race* (đua), v.v.. Ví dụ:

(35) a. *Who won the race?* (Ai thắng cuộc đua vậy?)

b. *Who will he be racing against in the next round?*

(*Anh ấy đua với ai ở vòng cuối vậy?*) [29, tr. 1194]

❖ Nhóm 5: Các ĐT chỉ hành động *tiêu thụ* (consumption verbs) cơ bản như *suck* (bú), *drink* (uống), *feed* (cho ăn, nuôi), *eat* (ăn) đều có DT chuyển loại trong khi các ĐT khác như *wine* (thết đãi hậu), *mine* (đào mỏ), *board* (lát ván), *puff* (phun ra), *misuse* (lạm dụng) lại được chuyển loại từ DT. Ví dụ:

(36) a. The baby can't feed, itself yet.

Em bé chưa tự ăn được)

b. They need a good feed.

(*Họ cần một bữa ăn ngon*) [29, tr. 540]

❖ Nhóm 6: Nhóm các ĐT *tiếp xúc* (contact verb) là nhóm có nhiều trường hợp chuyển loại nhất, như sau:

- Phần lớn các ĐT *tiếp xúc* là *rub*, *scrub* (cọ xát mạnh), *wipe* (lau chùi), *chafe* (chà xát, xây xát), *scour* (cọ chùi bằng một vật ráp), *polish* (đánh bóng), *whet* (mài sắc), ... đều có DT chuyển loại. Trong khi đó, một số ĐT lại được chuyển loại từ DT chỉ dụng cụ hoặc chất liệu tương ứng như *pumice* (đá bọt) → *to pumice* (chà xát bằng đá bọt), ... Ví dụ:

(37) a. She rubbed, her chin.

(Cô ấy xoa cằm)

b. She gave her knee a quick rub.

(Cô ấy xoa đầu gối qua loa) [29, tr. 1278]

- Các ĐT miêu tả động tác *nắm giữ*, *ôm giữ* như *grasp* (túm chặt, nắm chặt), *squeeze* (vắt, ép), *grab* (chộp, vồ), *pinch* (véo, kẹp), *hug* (ôm chặt) hoặc ĐT miêu tả động tác đụng chạm (touching) như *jab* (đâm), *poke* (huých), *hit* (đánh) đều có DT chuyển loại. Trong khi đó, các

ĐT *paw* (cào bằng vuốt), *finger* (sờ bằng ngón tay), *toe* (chạm bằng ngón chân) thì được chuyển loại từ DT chỉ bộ phận cơ thể tương ứng. Ngoài ra, phần lớn các DT chỉ bộ phận cơ thể có thể chuyển loại thành ĐT diễn tả hành động tiêu biểu của bộ phận đó như *shoulder* (mang, đeo), *head* (đánh đầu), ... Ví dụ:

(38) a. My parents never hit, me. (Cha mẹ không bao giờ đánh tôi)

b. *Give it a good hit.* (*Đánh cho chính xác vào*) [29, tr. 708]

Một số ĐT chỉ hoạt động cần sử dụng dụng cụ hoặc chất liệu để thực hiện đều được chuyển loại từ DT như: *knife* (*dao*) → *to knife* (*đâm, chém*), *saw* (*cái cưa*) → *to saw* (*cưa*) là những ĐT cần có dụng cụ để thực hiện; còn các ĐT *cover* (*che, bọc*) như *tar* (*rái nhựa*), *feather* (*gắn lông vào*), *paint* (*son*) là hành động dùng chất liệu để bao phủ một vật; các ĐT *enclose* (*vây quanh, chứa*) như *box* (*cho vào hộp*), *bag* (*cho vào bao*), *crate* (*cho vào thùng*), *shroud* (*liệm*) là những ĐT đề cập đến vật chứa; các ĐT *remove* (*lấy đi*) đề cập đến hành động lấy đi một vật như *skin* (*lột da*), *bark* (*tước vỏ*), *fleece* (*xén lông*), ...

Nói chung ĐT thuộc nhóm này được chuyển loại thành DT trong trường hợp ĐT có nghĩa tổng quát. Các ĐT nhằm mục đích tạo hình dạng và các ĐT chỉ hoạt động có sử dụng dụng cụ hoặc chất liệu thì được chuyển loại từ DT tương ứng. Ví dụ:

(39) a. Do you want me to cut, the cake?  
(Có muốn mình cắt bánh không?)

b. *The driver escaped with a few cuts.*  
[29, tr. 334, 336]

(Người tài xế thoát nạn mà chỉ bị vài vết cắt)

❖ Nhóm 7: Các ĐT *tri nhận* (cognition verbs) thường tạo ra DT phái sinh (chuyển loại tương đối) như *deduce* (*suy diễn*) → *deduction* (*sự suy diễn*), *elicit* (*gợi ra*) → *elicitation* (*sự gợi ra*), *infer* (*suy luận*) → *inference* (*sự suy luận*), ... Chỉ có một số ít ĐT *tri nhận* như *guess* (*đoán*), *estimate* (*ước lượng*) là có DT chuyển loại. Ví dụ:

(40) a. Police estimate, the crowd at 30,000.

(Cảnh sát ước lượng đám đông khoảng 30.000 người)

b. I can give you a rough estimate.  
[29, tr. 497-498]

(Tôi có thể cho anh số lượng phỏng chừng)

❖ Nhóm 8: Phần lớn các ĐT *sáng tạo* (creation verbs) thường tạo ra DT phái sinh (chuyên loại tương đối) như *invent<sub>v</sub>* (phát minh) → *invention<sub>n</sub>* (hành động phát minh), *illuminate<sub>v</sub>* (chiếu sáng) → *illumination<sub>n</sub>* (sự chiếu sáng).

Ngoài ra, còn một số ĐT như *lithograph<sub>v</sub>* (in thạch bản), *fresco<sub>v</sub>* (vẽ tranh lên tường/trần khi vữa còn ướt), *silkscreen<sub>v</sub>* (in lụa), *stencil<sub>v</sub>* (in bằng giấy sáp), ... được chuyển loại từ DT đề cập đến dụng cụ tương ứng. Chỉ một số ít ĐT như *design<sub>v</sub>* (thiết kế), *cast<sub>v</sub>* (đổ khuôn), *print<sub>v</sub>* (in), *strike<sub>v</sub>* (đúc), *weave<sub>v</sub>* (dệt, đan), *bake<sub>v</sub>* (nung) là có thể chuyển loại thành DT. Ví dụ:

(41) a. Press this key to print<sub>v</sub> a copy of the text.

(Ấn nút này để in một bản của văn bản)

b. This printer can produce high quality print<sub>n</sub>. [30, tr. 1120]

(Máy in này có thể cho ra bản in chất lượng cao)

❖ Nhóm 9: Các ĐT chỉ phương tiện di chuyển như *canoe<sub>v</sub>* (đi bằng xuồng), *taxi<sub>v</sub>* (đi bằng xe tắc xi), v.v... được chuyển loại từ DT tương ứng. Các trường hợp khác như ĐT chỉ tốc độ của phương tiện (*gallop<sub>v</sub>* = chạy nước đại, *trot<sub>v</sub>* = chạy nước kiệu) hoặc phương thức di chuyển (*fly<sub>v</sub>* = bay, *swim<sub>v</sub>* = bơi) chẳng hạn là có thể chuyển loại thành DT. Ví dụ:

(42) a. I can't swim<sub>v</sub>. (Tôi không biết bơi)

b. Let's go for a swim<sub>n</sub>. (Chúng mình đi bơi nào) [29, tr. 1496-1497]

❖ Nhóm 10: Phần lớn các ĐT *cảm xúc* hoặc *tâm lý* (*emotion* or *psych* verbs) đều có thể tạo ra DT. Có một số trường hợp DT chuyển thành ĐT như *fear* (sợ), *charm* (quyến rũ), *anger* (chọc tức), *hope* (hy vọng), *despair* (mất hy vọng), *panic* (hoảng loạn), *envy* (ghen tị). Ví dụ:

(43) a. Don't worry<sub>v</sub> about me. (Đừng lo cho tôi)

b. *Mugging is a real worry<sub>n</sub> for many old people.* [29, tr. 1701]

(Nạn trộm cắp là một nỗi lo thực sự cho nhiều người cao tuổi)

❖ Nhóm 11: Chỉ một số ít ĐT *tĩnh* (stative verbs) là có khả năng tạo ra DT chuyển loại như *wait* (chờ đợi), *delay* (chậm trễ, lãn lữ), *stay* (ở lại), ... Ví dụ:

(44) a. Don't delay<sub>v</sub> – call us today!

(Đừng lãn lữ – hãy gọi cho chúng tôi ngay hôm nay)

b. There's no time for delay<sub>n</sub>. (Không có thời gian để trì hoãn) [29, tr. 386]

❖ Nhóm 12: Phần lớn ĐT *tri giác* (perception verbs), bên cạnh một số ngoại lệ như *see*, *hear*, v.v. không tạo ra DT chuyển loại và các ĐT *prickle* (đau nhói), *prick* (châm, chích),... được chuyển loại từ DT chỉ dụng cụ tương ứng là *prickle* (gai), *prick* (vật nhọn), đều có thể tạo ra DT chuyển loại như *watch* (quan sát), *survey* (xem xét), *witness* (chứng kiến), *gaze* (nhìn chăm chăm), *stare* (nhìn trần trối), *ogle* (nhìn chòng chọc), *glance* (nhìn lướt qua), *snuff* (hít), *sniff* (khịt khịt), *stink* (bốc mùi hôi), *ache* (đau nhức), *hurt* (làm đau), *sting* (chích, đốt), *tingle* (nhoi nhói), *tickle* (cù nhột), *scratch* (cào xước), *itch* (ngứa), *bite* (cắn), ... Ví dụ:

(45) a. My feet hurt<sub>v</sub>. (Bàn chân tôi đau)

b. There was hurt<sub>n</sub> in her voice. [29, tr. 732-733]

(Có nỗi tổn thương trong giọng của cô ấy)

❖ Nhóm 13: Phần lớn các ĐT *sở hữu* (verbs of possession) như *have* (có), *hold* (giữ, chứa), *own* (sở hữu); *give* (cho), *transfer* (nhượng), *take* (nhận, lấy), *receive* (nhận), ... đều tạo ra DT. Rất ít trường hợp chuyển loại từ DT sang ĐT, VD: *loot<sub>n</sub>* (của cướp được) → *loot<sub>v</sub>* (hôi của), *bribe<sub>n</sub>* (vật hối lộ) → *bribe<sub>v</sub>* (hối lộ), *auction<sub>n</sub>* (sự đấu giá) → *auction<sub>v</sub>* (đấu giá), *retail<sub>n</sub>* (sự bán lẻ) → *retail<sub>v</sub>* (bán lẻ). Ví dụ:

(46) a. The recommended retail<sub>n</sub> price is £9.99.

(Giá bán lẻ đề nghị là 9,99 bảng)

b. The firm manufactures and retails<sub>v</sub> its own range of sportswear. [29, tr. 1248]

(Công ty sản xuất và bán lẻ các loại trang phục thể thao của mình)

❖ Nhóm 14: Phần lớn các ĐT *tương tác xã hội* được chuyển loại từ

DT như *court-martial<sub>n</sub>* (tòa án quân sự) → *court-martial<sub>v</sub>* (đưa ra tòa án quân sự), *franchise<sub>n</sub>* (quyền kinh doanh) → *franchise<sub>v</sub>* (nhượng quyền kinh doanh), *quarrel<sub>n</sub>* (sự tranh chấp) → *quarrel<sub>v</sub>* (tranh chấp), *veto<sub>n</sub>* (sự phủ quyết) → *veto<sub>v</sub>* (phủ quyết), v.v... Có rất ít trường hợp ĐT chuyển loại thành DT như *impeach<sub>v</sub>*

(buộc trọng tội một nhân vật cao cấp), *excommunicate<sub>v</sub>* (rút phép thông công). Ví dụ:

(47) a. They had a quarrel<sub>n</sub> about money.

(Họ có một cuộc tranh chấp về tiền bạc)

b. My sister and I used to quarrel<sub>v</sub> all the time. [29, tr. 1188]

(Trước đây tôi và cô em cãi nhau suốt)

❖ Nhóm 15: Đa số ĐT *thời tiết* (weather verbs) được chuyển loại từ

DT như *rain* (mưa), *thunder* (sấm), *snow* (mưa tuyết), *hail* (mưa đá),... Chỉ có một vài ĐT *pour* (mưa như trút), *pelt* (mưa tầm tã), *drizzle* (mưa phùn), *freeze* (đông băng),... có thể tạo ra DT chuyển loại tương ứng. Ví dụ:

(48) a. At last the sun was shining<sub>v</sub> after weeks of rain.

(Cuối cùng mặt trời cũng chiếu sáng sau nhiều tuần mưa gió)

b. The old table has a beautiful shine<sub>n</sub>. (Cái bàn cũ có nước bóng đẹp) [30, tr. 1316]

### 3.4 Nhận xét

3.4.1. Tiếng Anh có số lượng DT nhiều hơn ĐT và ĐT đa nghĩa hơn DT nên hiện tượng chuyển loại từ DT sang ĐT phổ biến hơn so với trường hợp ngược lại<sup>10</sup>. Việc này dẫn đến số lượng DT chuyển loại thành ĐT chiếm tỉ lệ cao nhất trong tiếng Anh<sup>11</sup>.

3.4.2. Về hướng chuyển loại và số lượng chuyển loại giữa DT và ĐT, I. Balteiro (2007) khảo sát 231 cặp DT-ĐT chuyển loại thực sự (actual conversion word-pairs) theo tiêu chí từ nguyên học, và đưa ra kết quả phân loại như sau:

- DT chuyển thành ĐT: 149 trường hợp, chiếm 64,50%;

- ĐT chuyển thành DT: 78 trường hợp, chiếm 33,76% ;

- Có thể là ĐT chuyển thành DT: 3 trường hợp, chiếm 11,4% ;

<sup>10</sup> Y.M. Biese nhận xét rằng trong một ngôn ngữ thì số lượng DT là lớn nhất [2, tr. 20, 403] và J. Aitchison cũng cho rằng số lượng DT trong một ngôn ngữ thì nhiều hơn ĐT; do vậy hiện tượng chuyển loại từ DT thành ĐT là phổ biến hơn so với trường hợp ngược lại. Cụ thể hơn, C. Fellbaum cho thấy trong từ điển *Collins English Dictionary* có 43.636 DT và 14.190 ĐT, đồng thời ĐT có số nghĩa trung bình là 2,11 trong khi DT là 1,74; nghĩa là ĐT đa nghĩa hơn DT [22, tr. 279]. Nói cách khác, ĐT có tiềm năng tạo ra nhiều DT chuyển loại hơn (tương ứng với các nét nghĩa khác nhau của ĐT) nên có thể gây nhiều khó khăn trong giao tiếp, do đó dạng V→N sẽ ít phổ biến hơn so với dạng N→V. (dt Nguyễn Thái Ân, 2007)

<sup>11</sup> I. Plag (1999), dựa theo *Oxford English Dictionary*, cho thấy có đến 488 ĐT được chuyển loại từ DT.

- Không biết hướng chuyển: 1 trường hợp, chiếm 1,3%. [18].

Đồng thời I. Balteiro [18, tr. 116] cũng khảo sát 367 cặp DT-ĐT chuyển loại tiềm năng (actual conversion word-pairs) theo tiêu chí nghĩa học, và đưa ra kết quả phân loại như sau:

- DT chuyển thành ĐT: 191 trường hợp, chiếm 52,05%;

- ĐT chuyển thành DT: 78 trường hợp, chiếm 21,25%;

- Không biết hướng chuyển: 82 trường hợp, chiếm 22,3%;

- Không phải chuyển loại: 7 trường hợp, chiếm 1,9% (có thể là do đồng nguyên (cognate) hay vay mượn).

3.4.3. Ở kiểu chuyển loại DT thành ĐT, các ĐT được chuyển loại biểu thị ý nghĩa hành xử/hành động như/là N; tạo thành/thay đổi thành N; đặt vào trong/lên trên N; thực hiện hành động với/bằng N; cho/cung cấp/ bao phủ với/bằng N; tước đoạt/loại bỏ N ra khỏi/từ/của...; gửi hoặc di chuyển bằng/bởi N; và làm/thực hiện N; trải qua + N.

Các ĐT<sup>12</sup> thường được chuyển loại từ DT ở các nhóm sau: ĐT về tương tác xã hội, ĐT thời tiết, ĐT cạnh tranh, ĐT nhằm mục đích tạo hình dạng, ĐT chỉ hoạt động có sử dụng dụng cụ hoặc chất liệu, ĐT chỉ hoạt động sử dụng phương tiện di chuyển, ĐT diễn tả hành động tiêu biểu của bộ phận cơ thể,...

3.4.4. Ở kiểu chuyển loại ĐT thành DT, DT được chuyển loại từ ĐT bao gồm các DT thể hiện trạng thái/cảm xúc, hoạt động/sự kiện, hoặc được dùng như đối tượng, chủ ngữ, công cụ, phương thức và vị trí hành động của ĐT gốc.

Các ĐT<sup>13</sup> thường chuyển loại thành DT ở các nhóm sau: ĐT chỉ các chức năng/hành động chăm sóc cơ thể, ĐT chỉ hành động giao tiếp, ĐT tiếp xúc, ĐT cảm xúc hoặc tâm lý, ĐT tri giác, ĐT sở hữu, một số ĐT chỉ tốc độ của phương tiện hoặc phương thức di chuyển,...

3.4.5. Tiếng Anh có một vài dạng chuyển loại khá đặc biệt từ ĐT sang DT: một số trợ ĐT (auxiliary verb), động tính từ (participle) và cụm ĐT (phrasal verb) có thể chuyển loại thành DT.

<sup>12</sup> Theo bảng phân loại của C. Fellbaum [22, tr. 305-311]

<sup>13</sup> Theo bảng phân loại của C. Fellbaum [22, tr. 305-311]

## 4 ĐỐI CHIẾU HIỆN TƯỢNG CHUYỂN LOẠI GIỮA DT VÀ ĐT TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

### 4.1 Những điểm tương đồng

- Hiện tượng chuyển loại hiện tượng chuyển loại giữa các thực từ (DT, ĐT và tính từ) trong tiếng Việt cũng như tiếng Anh cũng đều phổ biến nhất.
- Dạng chuyển loại từ DT ở cả hai ngôn ngữ đều có số lượng từ chuyển loại cao nhất.
- DT được chuyển loại từ ĐT bao gồm các DT biểu thị hoạt động mà DT được coi là kết quả hành động của ĐT, hoặc được dùng như đối tượng, chủ ngữ, công cụ, phương thức và vị trí hành động của ĐT.
- Các ĐT nhằm mục đích tạo hình dạng và các ĐT chỉ hoạt động có sử dụng dụng cụ hoặc chất liệu (mới có sau này) thì được chuyển loại từ DT tương ứng: *điện thoại<sub>d</sub>* (*telephone<sub>n</sub>*) → *điện thoại<sub>đg</sub>* (*telephone<sub>v</sub>*), *son<sub>n</sub>* (*paint<sub>n</sub>*) → *son<sub>đg</sub>* (*paint<sub>v</sub>*), *mail<sub>n</sub>* → *mail<sub>v</sub>*, ...
- ĐT trở thành hành động chuyển loại thành DT trở đơn vị của hành động như *bó* (*bundle*) → *bó* (*bundle*), *cuộn<sub>đg</sub>* (*roll<sub>v</sub>*) → *cuộn<sub>d</sub>* (*roll<sub>v</sub>*),...

### 4.2 Những điểm khác biệt

- Trong tiếng Việt, hầu hết ĐT biểu thị hoạt động điển hình, đặc trưng cho một nhóm người đều có khả năng chuyển loại sang DT, còn trong tiếng Anh thì ít hơn: DT chủ yếu được tạo ra bằng cách chuyển loại tương đối của ĐT, chẳng hạn như *interpret<sub>v</sub>* (thông ngôn, phiên dịch) → *interpreter<sub>n</sub>* (thông ngôn, phiên dịch).
- Trong tiếng Anh, hầu hết các ĐT chỉ hoạt động của con người (thuộc các nhóm ĐT chỉ chức năng của cơ thể, hành động chăm sóc cơ thể, cảm xúc, tri giác, tiếp xúc, hành động giao tiếp... đều có DT chuyển loại, còn tiếng Việt thì ít hơn hẳn. Chẳng hạn *sleep<sub>v</sub>* (ngủ) → *sleep<sub>n</sub>* (giấc ngủ), *head<sub>n</sub>* (đầu) → *head<sub>v</sub>* (đánh đầu), *sweat<sub>v</sub>* (mồ hôi) → *(toát mồ hôi)*, *ache<sub>v</sub>* (đau) → *ache<sub>n</sub>* (nỗi đau), *love* (yêu) *love<sub>n</sub>* → *(tình yêu)*, ...
- Tiếng Anh có các ĐT chỉ phương tiện di chuyển, chỉ dụng cụ được chuyển loại từ DT tương ứng. Còn tiếng Việt cần dùng một tổ hợp từ để diễn đạt *bicycle<sub>v</sub>* (đi bằng xe đạp), *helicopter<sub>v</sub>* (di chuyển bằng máy bay trực thăng), *knife<sub>v</sub>* (cắt bằng dao) *hammer<sub>v</sub>* (đóng bằng búa), *comb<sub>v</sub>* (chải bằng lược, ...)...
- Tiếng Anh có một vài dạng chuyển loại khá đặc biệt từ ĐT sang DT: một số trợ ĐT (auxiliary

verb), động tính từ (participle) và cụm ĐT (phrasal verb) có thể chuyển loại thành DT.

- Tiếng Việt có số lượng ĐT chuyển thành DT chiếm tỉ lệ cao nhất<sup>14</sup>. Ngược lại, tiếng Anh có số lượng DT chuyển loại thành ĐT lại chiếm tỉ lệ cao nhất.

## 5 KẾT LUẬN

Qua khảo sát hiện tượng chuyển loại giữa danh từ và động từ trong tiếng Việt và tiếng Anh, chúng tôi có vài nhận định bước đầu như sau:

1. Như vậy, trong các nhóm DT tiếng Việt chuyển loại thành ĐT, các DT biểu thị công cụ, dụng cụ lao động, đồ dùng chiếm tỉ lệ cao và hầu hết đều là từ đơn tiết và thuộc lớp từ vựng cơ bản. Bên cạnh đó, các DT có ý nghĩa trừu tượng và khái quát cũng có khả năng chuyển loại mạnh mẽ và hầu hết là từ “đa tiết”. Còn trong các nhóm ĐT chuyển loại thành DT, các ĐT biểu thị các hoạt động chính trị - xã hội có khả năng chuyển loại sang DT nhiều nhất; hầu hết là từ “đa tiết” và có nguồn gốc Hán – Việt. Thứ hai là các ĐT biểu thị hoạt động của con người; hầu hết là từ đơn tiết và có nguồn gốc thuần Việt.

2. Tiếng Anh có số lượng DT nhiều hơn ĐT và ĐT đa nghĩa hơn DT nên hiện tượng chuyển loại từ DT sang ĐT phổ biến hơn so với trường hợp ngược lại. Việc này dẫn đến số lượng DT chuyển loại thành ĐT chiếm tỉ lệ cao nhất trong tiếng Anh.

3. Hiện tượng chuyển loại giữa DT và ĐT trong tiếng Việt và tiếng Anh có điểm tương đồng, đó là:

- Dạng chuyển loại từ DT ở cả hai ngôn ngữ đều có số lượng từ chuyển loại cao nhất.
- DT được chuyển loại từ ĐT bao gồm các DT biểu thị hoạt động mà DT được coi là kết quả hành động của ĐT, hoặc được dùng như đối tượng, chủ ngữ, công cụ, phương thức và vị trí hành động của ĐT.
- Các ĐT nhằm mục đích tạo hình dạng và các ĐT chỉ hoạt động có sử dụng dụng cụ hoặc chất liệu (mới có sau này) thì được chuyển loại từ DT tương ứng.
- ĐT trở thành hành động chuyển loại thành DT trở đơn vị của hành động.

4. Hiện tượng chuyển loại giữa DT và ĐT trong tiếng Việt và tiếng Anh cũng có điểm khác biệt, đó là:

- Trong tiếng Việt, hầu hết ĐT biểu thị hoạt động điển hình, đặc trưng cho một nhóm người

<sup>14</sup> Theo số liệu của Hoàng Văn Hành và cộng sự (1998)

đều có khả năng chuyển loại sang DT, còn trong tiếng Anh thì ít hơn: DT chủ yếu được tạo ra bằng cách chuyển loại tương đối của ĐT.

- Trong tiếng Anh, hầu hết các ĐT chỉ hoạt động của con người... đều có DT chuyển loại, còn tiếng Việt thì ít hơn hẳn.

- Tiếng Anh có các ĐT chỉ phương tiện di chuyển, chỉ dụng cụ được chuyển loại từ DT tương ứng. Còn tiếng Việt cần dùng một tổ hợp từ để diễn đạt.

- Tiếng Anh có một vài dạng chuyển loại khá đặc biệt từ ĐT sang DT: một số trợ ĐT (auxiliary verb), động tính từ (participle) và cụm ĐT (phrasal verb) có thể chuyển loại thành DT.

- Tiếng Việt có số lượng ĐT chuyển thành DT chiếm tỉ lệ cao nhất, còn tiếng Anh thì ngược lại.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thái Ân, "Hiện tượng chuyển di từ loại trong tiếng Anh," Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2007.
- [2] Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt (Tiếng – Từ ghép – Doãn ngữ)*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999.
- [3] Nguyễn Tài Cẩn, *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội, 1975.
- [4] Đỗ Hữu Châu, *Đỗ Hữu Châu tuyển tập - tập 1- Từ vựng - Ngữ nghĩa*. NXB Giáo dục, 2005.
- [5] Nguyễn Hồng Côn, "Vấn đề phân định từ loại trong tiếng Việt," *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 2, 2003.
- [6] Nguyễn Đức Dân và Trần Thị Ngọc Lang, *Câu sai và câu mơ hồ*. NXB Giáo dục, 1992.
- [7] Đinh Văn Đức, *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
- [8] Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*. NXB Giáo dục, 2002.
- [9] Hoàng Văn Hành và cộng sự, *Từ tiếng Việt (Hình thái - Cấu trúc - Từ láy - Từ ghép - Chuyển loại)*. NXB Khoa học Xã hội, 1998.
- [10] Hoàng Văn Hành, *Từ ngữ tiếng Việt trên đường hiểu biết và khám phá*. NXB Khoa học Xã hội, 1991, tr. 49 - 51.
- [11] Lê Văn Lý, *Sơ thảo ngữ pháp Việt Nam*. Trung tâm Học liệu Sài Gòn, 1968.
- [12] Nguyễn Kim Thân, *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Giáo dục, 1997, 1962.
- [13] Bùi Đức Tịnh, *Ngôn ngữ và văn học*. NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.
- [14] Nguyễn Ngọc Trâm, "Nghĩa của từ đa nghĩa," trong *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ - Tập 2*: NXB Khoa học xã hội, 1981.
- [15] Nguyễn Văn Tu, *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại*. Hà Nội: NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1976.

[16] Trần Thủy Vinh, *Hiện tượng mơ hồ trong tiếng Việt và tiếng Anh*. NXB Đại học Quốc gia TP. HCM, 2008.

[17] V. Adams, *An Introduction to Modern English Word-Formation*. London: Longman, 1973.

[18] I. Balteiro, *The Directionality of Conversion in English: A Diachronic Study*. Peter Lang Press, 2007.

[19] L. Bauer and R. Huddleston, "Lexical word-formation," in *The Cambridge Grammar of the English Language*, R. Huddleston and G. K. Pullum, Eds. Cambridge: Cambridge University Press, 2002, pp. 1621-1721.

[20] L. Bauer, *English Word-formation*. Cambridge: Cambridge University Press, 1983.

[21] Y. M. Biese, *Origin and development of conversions in English*. Helsinki: Suomalaisen Kirjallisuuden Seuran Kirjapainon O.Y., 1941.

[22] C. Fellbaum, "English Verbs as a Semantic Net," *International Journal of Lexicography*, vol. 3, no. 4, pp. 278-301, 1990.

[23] P. Kiparsky, "Remarks on Denominal Verbs," in *Complex Predicates*, A. Alsina, J. Bresnan, and P. Sells, Eds. Palo Alto, CA: CSLI Publications, 1997, pp. 473-499.

[24] I. Plag, *Word-formation in English*. Cambridge: Cambridge University Press, 2003, pp. 107.

[25] R. Quirk *et al*, *A Comprehensive Grammar of English Language*. Longman Press, 1991.

### Xuất xứ các ví dụ trích dẫn

- [26] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển Việtalex, 2007.
- [27] Thanh Nghị, *Từ điển Việt Nam*, NXB Thời Thế, Sài Gòn, 1958.
- [28] Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Đại từ điển tiếng Việt*. NXB Văn hóa-Thông tin, 1999.
- [29] Oxford Advanced Learner's Dictionary (Seven Edition, 2005).
- [30] Longman Dictionary of Contemporary English (Third Edition, 1995)
- [31] WordNet 2.1 (2005), software and database provided by Princeton University.
- [32] Các từ điển online dictionary.cambridge.org, oxforddictionaries.com, Collins Cobuild, tratu.soha.vn, tratu.coviet.vn.
- [33] Các nhạc phẩm của Trịnh Công Sơn, các tác phẩm thơ văn của Nguyễn Du, Nguyễn Khái, Kim Lân, Lê Lựu, Nguyễn Đình Chiểu, v.v...
- [34] Các báo Tuổi Trẻ, Việt Báo, Báo Mới, v.v...
- [35] Ca dao, tục ngữ Việt Nam, danh ngôn các nước.

**Võ Thị Ngọc Ân**, Thạc sĩ Việt Nam học (ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP.HCM) năm 2014. Cử nhân Sư Phạm tiếng Anh (ĐH Sư Phạm TP.HCM) năm 2014. Cử nhân Đông Phương học - Úc học (ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP.HCM) năm 2008. Tham gia giảng dạy tại Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP.HCM từ năm 2012. Lĩnh vực nghiên cứu Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu và giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

# The conversion phenomenon between nouns and verbs in Vietnamese and English

**Vo Thi Ngoc An**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM, Viet Nam

Corresponding author: ngocanvo@yahoo.com

Received: 10-4-2017; Accepted: 22-6-2017; Published: 31-12-2017

***Abstract***—Conversion is considered to be one of the universal phenomena of language. It can be said that this concept originates from the doctrine of F.de Saussure on the two-sided nature of the linguistic signals. According to F.de Saussure, the relation between the signifier – the “verbal shell” of the word – is finite and the signified – the objective reality needs to reflect – is infinite. The conversion is one of the most effective ways to create new words in Vietnamese as well as English, demonstrating an important characteristic of language: saving characteristics.

The conversion phenomena in Vietnamese as well as English can occur in all words – both lexical and non-lexical words; in which, the conversion between lexical words (nouns, verbs and adjectives) is the most common. In the conversion between verbs (nouns, verbs and adjectives), the number of nouns that are converted into verbs and adjectives is the highest, then the verb, and the adjective.

The paper presents the characteristics, types of conversion between nouns and verbs in Vietnamese and English; and compares the similarities and differences of this phenomenon in the two languages.

***Index Terms***—conversion, the conversion between nouns and verbs in Vietnamese, the conversion between nouns and verbs in English.